

Trang 1/4

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

CBGD: Nguyễn Thị Phương Trâm (1017)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15120036	Huỳnh Phạm Hân	DH15KT	<i>Hân</i>	101	10	10	7	8.2	0012345678910	0123456789
2	15120037	Nguyễn Thị Ngọc Hân	DH15KT	<i>Hân</i>	102	9	9	0	3.6	0012345678910	0123456789
3	15120039	Huỳnh Ngọc Hằng	DH15KT	<i>Hằng</i>	102	6	9	3.6	4.9	0012345678910	0123456789
4	15120040	Nguyễn Thị Hằng	DH15KT	<i>Hằng</i>	103	2	8	2.5	2.9	0012345678910	0123456789
5	15120041	Nguyễn Thị Thúy Hằng	DH15KT	<i>Hằng</i>	104	6	9.5	7.5	7.3	0012345678910	0123456789
6	15120044	Hồ Thị Hậu	DH15KT	<i>Hậu</i>	105	8.5	9	4	5.8	0012345678910	0123456789
7	15120048	Nguyễn Quốc Hiệp	DH15KT	<i>Hiệp</i>	106	8.5	9	3.3	5.5	0012345678910	0123456789
8	15120049	Bùi Quang Hiếu	DH15KT	<i>Hiếu</i>	107	5	8	2.8	4.0	0012345678910	0123456789
9	15120050	Hoàng Văn Hiếu	DH15KT	<i>Hiếu</i>	108	5.5	9	4	5.0	0012345678910	0123456789
10	15120051	Huỳnh Thị Thanh Hiếu	DH15KT	<i>Hiếu</i>	109	1	5	0	0.8	0012345678910	0123456789
11	15120052	Nguyễn Duy Hiếu	DH15KT	<i>Hiếu</i>	109	6.5	8	6.8	6.8	0012345678910	0123456789
12	15120053	Phạm Thị Thanh Hiếu	DH15KT	<i>Hiếu</i>	110	3.5	9	3.5	4.1	0012345678910	0123456789
13	15120054	Trần Thanh Hoa	DH15KT	<i>Hoa</i>	111	2.5	9	5.8	5.8	0012345678910	0123456789
14	15120055	Mai Yên Hòa	DH15KT	<i>Hòa</i>	112	6	8	3.3	4.6	0012345678910	0123456789
15	15120056	Phạm Thị Hòa	DH15KM	<i>Hòa</i>	113					0012345678910	0123456789
16	15120057	Đàm Huy Hoàng	DH15KT	<i>Hoàng</i>	113	✓	✓	3.5	2.1	0012345678910	0123456789
17	15120060	Phạm Như Huệ	DH15KT	<i>Huệ</i>	114					0012345678910	0123456789
18	15120061	Ngô Quốc Hùng	DH15KT	<i>Hùng</i>	114	8	10	3.8	5.7	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Tin học đại cương (214103) - 14

CBGD: Nguyễn Thị Phương Trâm (1017)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số giờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	15120063	Nguyễn Phục Hưng	DH15KT	<i>Phục Hưng</i>	35	5.25	8	4.1	4.9	0012345678910	0123456789
20	15120064	Hồ Thị Xuân Hương	DH15KT	<i>Thường</i>	115	6.5	9	2.9	4.6	0012345678910	0123456789
21	15120065	Lê Thanh Hương	DH15KT	<i>Thường</i>	116	6.5	10	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
22	15120066	Lê Thị Hương	DH15KT	<i>Thường</i>	117	5	9	2.5	3.9	0012345678910	0123456789
23	15120069	Trương Thị Ngọc Hương	DH15KT	<i>Thường</i>	118	8	10	7.6	8.0	0012345678910	0123456789
24	15120071	Nguyễn Thị Hương	DH15KT	<i>Thường</i>	119	5.5	10	6.1	6.3	0012345678910	0123456789
25	15120073	Hoàng Thị Huyền	DH15KT	<i>Thường</i>	120	6.75	9	3.6	5.1	0012345678910	0123456789
26	15120077	Võ Nguyễn Mai Khanh	DH15KT	<i>Thường</i>	121	7.75	10	7.3	7.7	0012345678910	0123456789
27	15120080	Nguyễn Thị Thủy Kiều	DH15KT	<i>Thường</i>	122	6.5	9	2.5	4.4	0012345678910	0123456789
28	15120082	Bùi Huỳnh Thanh Lệ	DH15KT	<i>Thường</i>	123	6.25	9.5	4.3	5.4	0012345678910	0123456789
29	15120084	Dương Đình Trúc Linh	DH15KT	<i>Thường</i>	124	6.5	10	3.1	4.8	0012345678910	0123456789
30	15120085	Lê Thị Thùy Linh	DH15KT	<i>Thường</i>	125	5	10	6	6.1	0012345678910	0123456789
31	15120086	Nguyễn Phương Linh	DH15KT	<i>Thường</i>	126	10	10	7.8	8.7	0012345678910	0123456789
32	15120087	Nguyễn Thị Hồng Loan	DH15KT	<i>Thường</i>	127	4.5	9	7	6.5	0012345678910	0123456789
33	15120091	Nguyễn Thị Trà My	DH15KT	<i>Thường</i>	128	6.25	9	6	6.4	0012345678910	0123456789
34	15120092	Đỗ Thị Bích Nga	DH15KT	<i>Thường</i>	129	7.25	10	6.4	7.0	0012345678910	0123456789
35	15120094	Huỳnh Thị Kim Ngân	DH15KT	<i>Thường</i>	130	7.25	9	4	5.5	0012345678910	0123456789
36	15120096	Nguyễn Thị Thanh Ngân	DH15KT	<i>Thường</i>	1401	4.75	9	3.6	4.5	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Tin học đại cương (214103) - 14

CBGD: Nguyễn Thị Phương Trâm (1017)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	15120097	Nguyễn Thị Thùy Ngân	DH15KT	<i>Ngân</i>	402	65	10	3.8	5.2	0001234567890	0123456789
38	15120098	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH15KT	<i>Ngân</i>	403	7.75	9	5.8	6.7	0001234567890	0123456789
39	15120200	Huỳnh Mai Trúc	DH15KT	<i>Trúc</i>	404	9	9	6.3	7.4	0001234567890	0123456789
40	15120201	Đặng Sâm Xuân Trung	DH15KT	<i>Trúc</i>	405	7	10	6.5	7.0	0001234567890	0123456789
41	15120202	Lại Thị Cẩm Tú	DH15KT	<i>Tú</i>	406	9	9	4.6	6.4	0001234567890	0123456789
42	15120204	Cao Vũ Anh Tuấn	DH15KT	<i>Tuấn</i>	407	5.25	9	3.1	4.4	0001234567890	0123456789
43	15120205	Lê Anh Tuấn	DH15KT	<i>Tuấn</i>	408	5.25	9	4.1	5.0	0001234567890	0123456789
44	15120206	Lâm Thị Tuyền	DH15KT	<i>Tuấn</i>	409	3.25	9	3.1	3.8	0001234567890	0123456789
45	15120207	Trần Thị Ngọc Tuyền	DH15KT	<i>Tuấn</i>	410	6.5	9	3.3	4.8	0001234567890	0123456789
46	15120208	Đỗ ánh Tuyết	DH15KT	<i>Tuấn</i>	411	7	9	3.1	4.9	0001234567890	0123456789
47	15120210	Lê Thị Hồng Vân	DH15KT	<i>Vân</i>	412	5.25	9.5	3.1	4.4	0001234567890	0123456789
48	15120212	Võ Thị Thủy Vân	DH15KT	<i>Vân</i>	413	5.5	8	5.8	5.9	0001234567890	0123456789
49	15120213	Nguyễn Thị Tường Vi	DH15KT	<i>Vi</i>	414	5.5	10	3.1	4.5	0001234567890	0123456789
50	15120214	Nguyễn Tường Hồng Vi	DH15KT	<i>Vi</i>	415	6.25	9.5	7.1	7.1	0001234567890	0123456789
51	15120215	Võ Thị Thanh Vi	DH15KT	<i>Vi</i>	416	4	9	3.1	4.0	0001234567890	0123456789
52	15120216	Nguyễn Quốc Việt	DH15KT	<i>Việt</i>	417	✓	✓	3.6	2.2	0001234567890	0123456789
53	15120218	Trần Hồng Vinh	DH15KT	<i>Vinh</i>	303	4	9.5	5.1	5.2	0001234567890	0123456789
54	15120221	Võ Thị Như Y	DH15KT	<i>Y</i>	418	4.5	9	3.1	4.1	0001234567890	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Tin học đại cương (214103) - 14

CBGD: Nguyễn Thị Phương Trâm (1017)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
55	15120222	Phạm Thị Như Yên	DH15KT		4/9	6	10	4.8	5.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

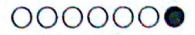
Cán bộ chấm thi 2

Đỗ Thị Yên Như

Vũ Văn Trâm

Vũ Văn Trâm

Nguyễn Thị Phương Trâm



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Tin học đại cương (214103) - 14

CBGD: Nguyễn Thị Phương Trâm (1017)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15120099	Trịnh Thị Thu	Ngoan	DH15KT	Thị Thu	420	3	10	3.1	3.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	15120104	Trần Phương	Nguyễn	DH15KT	Trần Phương	421	6.25	10	7.3	7.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	15120106	Trần Thị Thanh	Nhã	DH15KT	Nhã	422	7.75	10	7.5	7.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	15120107	Nguyễn Vũ Thanh	Nhàn	DH15KT	Nhàn	423	6	9	3.8	5.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	15120108	Đỗ Thị Yến	Nhi	DH15KT	Nhi	424	6	9.5	3.6	4.9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	15120109	Lê Đoàn Bảo	Nhi	DH15KT	Nhi	426	6	9.5	4	5.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	15120110	Nguyễn Thị Lan	Nhi	DH15KT	Nhi	427	4.5	9.5	3.8	4.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	15120112	Nguyễn Thị Thủy	Nhi	DH15KT	Thủy	428	4	9.5	2.8	3.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	15120116	Đinh Thùy	Nhị	DH15KT	Thùy	429	3	10	8	6.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	15120121	Võ Thị Cẩm	Nhung	DH15KT	Cẩm	430	5.5	9.5	3.4	4.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	15120122	Dương Thị Ngọc	Nữ	DH15KT	Ngọc	431	5.5	9.5	5.9	6.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	15120124	Trần Thị Kim	Oanh	DH15KT	Oanh	432	5	10	3.8	4.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	15120126	Nguyễn Y	Phi	DH15KT	Phi	433	5	9	6.1	6.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	15120129	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	DH15KT	Hồng	434	3.5	9	3.4	4.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	15120130	Phạm Nguyễn Trung	Phúc	DH15KT	Trung	435	8.5	10	7.4	8.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	15120131	Bùi Thanh	Phương	DH15KT	Phương	436	1	9	4.3	3.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	15120135	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	DH15KT	Ngọc	437	7	9	5.9	6.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	15120136	Phạm Thị Kiều	Phương	DH15KT	Kiều	438	8.25	9	7.4	7.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Tin học đại cương (214103) - 14

CBGD: Nguyễn Thị Phương Trâm (1017)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
19	15120137	Lê Thị Thủy	Phượng	DH15KT	Phượng	206	4.5	10	5	5.4	00123456789
20	15120139	Nguyễn Thị Hồng	Quế	DH15KT	Quế	440	3.5	10	3.5	4.2	00123456789
21	15120140	Nguyễn Thị Kim	Quy	DH15KT	Quy	441	7	9	6.6	7.0	00123456789
22	15120142	Phạm Thị Tú	Quyên	DH15KT	Quyên	442	3.5	9	4.9	4.9	00123456789
23	15120143	Lê Thị Ngọc	Quyên	DH15KT	Quyên	443	6	9	2.5	4.2	00123456789
24	15120144	Nguyễn Ngọc	Quynh	DH15KT	Quynh	444	6.5	9	2.5	4.3	00123456789
25	15120146	Lê Đình	Sang	DH15KT	Sang	445	✓	9	3.6	3.1	00123456789
26	15120148	Hoàng Văn	Sao	DH15KT	Sao	446	4	9.5	2.5	3.7	00123456789
27	15120151	Mai Ngọc Diễm	Sương	DH15KT	Sương	202	2	8.5	2.5	3.0	00123456789
28	15120153	Trịnh Ngọc	Thạch	DH15KT	Thạch	203	7.5	9	6.3	6.9	00123456789
29	15120154	Nguyễn Văn	Thái	DH15KT	Thái	204	5	8.5	3.3	4.3	00123456789
30	15120159	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DH15KT	Thảo	205	5.5	9	3.3	4.5	00123456789
31	15120160	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DH15KT	Thảo	207	5	10	5.6	5.9	00123456789
32	15120161	Phạm Thị Thu	Thảo	DH15KT	Thảo	212	6	8	5.5	5.9	00123456789
33	15120163	Nguyễn Thị Phương	Thi	DH15KT	Thi	208	6.5	9	7.4	7.3	00123456789
34	15120164	Nguyễn Thị Thanh	Thi	DH15KT	Thi	209	1	8	5.8	4.6	00123456789
35	15120165	Nguyễn Kim	Thiên	DH15KT	Thiên	210	2.5	8	2.8	4.7	00123456789
36	15120167	Nguyễn Khánh	Thịnh	DH15KT	Thịnh	211	6.5	8	3.8	5.0	00123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Tin học đại cương (214103) - 14

CBGD: Nguyễn Thị Phương Trâm (1017)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tổ điểm lẻ
37	15120168	Dương Thị Kim Thoa	DH15KT	<i>Thoa</i>	213	5	8	4.5	5.0	0012345678910	1123456789
38	15120169	Đào Văn Thóa	DH15KT	<i>Đào</i>	214	8.5	8	6.1	7.0	0012345678910	1123456789
39	15120170	Lê Thanh Thôn	DH15KT	<i>Thanh</i>	215	4.5	9	6.9	6.4	0012345678910	0123456789
40	15120172	Vũ Thị Ngọc Thu	DH15KT	<i>Ngọc</i>	216	9.25	10	6.9	7.9	0012345678910	0123456789
41	15120174	Ngô Oanh Thư	DH15KT	<i>Oanh</i>	217	7.5	9.5	8	8.0	0012345678910	1123456789
42	15120175	Nguyễn Quốc Thư	DH15KT	<i>Quốc</i>	218	7	10	6.5	7.0	0012345678910	1123456789
43	15120178	Mai Thị Thanh Thủy	DH15KT	<i>Thanh</i>	219	6.25	10	6.9	7.0	0012345678910	1123456789
44	15120180	Nguyễn Thị Mỹ Thủy	DH15KT	<i>Mỹ</i>	220	4.75	10	4.5	5.1	0012345678910	0123456789
45	15120182	Võ Thanh Tra	DH15KT	<i>Thanh</i>	221	4	10	6.8	6.3	0012345678910	0123456789
46	15120183	Huỳnh Ngọc Trâm	DH15KT	<i>Ngọc</i>	222	7.25	10	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
47	15120185	Trần Thị Ngọc Trâm	DH15KT	<i>Ngọc</i>	223	5.5	9	6.4	6.4	0012345678910	0123456789
48	15120186	Trương Thị Ngọc Trâm	DH15KT	<i>Ngọc</i>	224	6.75	9	4.3	5.5	0012345678910	0123456789
49	15120187	Cao Nguyễn Thùy Trang	DH15KT	<i>Thùy</i>	225	5.5	10	4.8	5.5	0012345678910	0123456789
50	15120189	Đinh Thị Trang	DH15KM	<i>Thị</i>	226	5.5	10	6.3	6.4	0012345678910	0123456789
51	15120191	Lê Thị Hạnh Trang	DH15KT	<i>Hạnh</i>	227	8.25	10	7.3	7.8	0012345678910	0123456789
52	15120194	Phạm Thanh Trang	DH15KT	<i>Thanh</i>	228	5.5	10	4.5	5.4	0012345678910	0123456789
53	15120195	Phạm Đức Trí	DH15KT	<i>Đức</i>	229	5	10	5.1	5.6	0012345678910	0123456789
54	15120197	Trần Thị Kim Trinh	DH15KT	<i>Kim</i>	230	4.5	9	3.1	4.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03890



Trang 4/4

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Tin học đại cương (214103) - 14

CBGD: Nguyễn Thị Phương Trâm (1017)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
55	15120199	Nguyễn Kim Trọng	DH15KT		308	5.25	9	3.6	4.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Văn Thanh

T.T.T. Nga

Vũ Công Đức

Nguyễn Thị Phương Trâm